

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ NỘI THẤT THIÊN AN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ NỘI THẤT THIÊN AN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THIEN AN CONSTRUCTION AND INTERIOR INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: THIEN AN CONSTRUCTION., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108749926

3. Ngày thành lập: 22/05/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tổ dân phố số 5, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0974236069

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
2.	Xây dựng nhà không để ở	4102
3.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
4.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
5.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
6.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
7.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
8.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
9.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
10.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
11.	Phá dỡ	4311
12.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
13.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
14.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
15.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
16.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
17.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
18.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322

19.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự	4649
20.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
21.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
22.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
23.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Không bao gồm vàng, bạc và kim loại quý khác và chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép)	4662
24.	Khai thác và thu gom than non (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	0520
25.	Khai thác khí đốt tự nhiên (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	0620
26.	Khai thác quặng sắt (Trừ quặng uranium và thorium)	0710
27.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
28.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Doanh nghiệp chỉ được hoạt động khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	0810
29.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
30.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
31.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
32.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
33.	Đúc sắt, thép	2431
34.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
35.	In ấn	1811
36.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829

37.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Sản xuất thiết bị bảo vệ an toàn như: + Sản xuất quần áo chống cháy và bảo vệ an toàn; + Sản xuất dây bảo hiểm cho người sửa chữa điện hoặc các dây bảo vệ cho các ngành nghề khác, + Sản xuất phao cứu sinh; + Sản xuất mũ nhựa cứng và các thiết bị bảo vệ cá nhân khác (ví dụ mũ thể thao), + Sản xuất quần áo amiăng (như bộ bảo vệ chống cháy), + Sản xuất mũ bảo hiểm kim loại và các thiết bị bảo hiểm cá nhân bằng kim loại khác, + Sản xuất nút tai và nút chống ồn (cho bơi lội và bảo vệ tiếng ồn),	3290
38.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
39.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
40.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
41.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4530
42.	Bán buôn thực phẩm	4632
43.	Bán buôn đồ uống	4633
44.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
45.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
46.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)	4659
47.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
48.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
49.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
50.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
51.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	5012
52.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
53.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
54.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610

55.	Hoạt động cấp tín dụng khác	6492
56.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư;	6619
57.	Quảng cáo	7310
58.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
59.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
60.	Điều hành tua du lịch	7912
61.	Đào tạo sơ cấp	8531
62.	Đào tạo trung cấp	8532
63.	Đào tạo cao đẳng	8533
64.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
65.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
66.	Hoạt động thể thao khác	9319
67.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
68.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
69.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522

70.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế kiến trúc công trình; - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; - Thiết kế cơ - điện công trình; - Thiết kế cấp - thoát nước công trình; - Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. (Khoản 8, Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ xây dựng) - Thiết kế quy hoạch xây dựng (Khoản 7, Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ xây dựng) - Quản lý dự án đầu tư xây dựng (Khoản 20 Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ xây dựng) - Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan; - Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông; - Dịch vụ tư vấn lập, đánh giá báo cáo quy hoạch, tổng sơ đồ phát triển, kiến trúc; khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; khảo sát, lập thiết kế, dự toán; lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; thẩm tra, thẩm định; giám sát; quản lý dự án; (Khoản 8 Điều 4 Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013)	7110
71.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 500.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGHIÊM TRỌNG ĐÓN	P1206CT6B Tổ hợp CC và TM Bemes, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	0	1.000.000.000	20,000	111491312	
			Tổng số	0	1.000.000.000	20,000		
2	PHÍ HẢI QUÂN	Thôn 4, Xã Hương Ngải, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	0	1.000.000.000	20,000	111377212	
			Tổng số	0	1.000.000.000	20,000		
3	ĐỖ HỮU VỊ	Thôn 84, Xã Kim Quan, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	0	500.000.000	10,000	011184609	
			Tổng số	0	500.000.000	10,000		
4	NGUYỄN THÀNH TRUNG	Thôn 8, Xã Hương Ngải, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	0	1.000.000.000	20,000	111491350	
			Tổng số	0	1.000.000.000	20,000		
5	NGUYỄN HỮU TUÂN	Thôn 84, Xã Kim Quan, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	0	1.500.000.000	30,000	0010800119 10	
			Tổng số	0	1.500.000.000	30,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGHIÊM TRỌNG ĐÔN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *01/06/1980*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *111491312*

Ngày cấp: *29/08/2013*

Nơi cấp: *Công an Thành phố Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *P1206CT6B Tổ hợp CC và TM Bemes, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Tổ dân phố số 5, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*